

Bản án số: 10/2022/KDTM-ST

Ngày: 25/01/2022

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Hoàng Lan Chi**

Các Hội thẩm nhân dân: **1. Bà Hoàng Thị Bích Diệp
2. Ông Lê Văn Hưu**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Đinh Thị Thủy** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: **Bà Hoàng Thị Hoài Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 và 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2021/TLST- KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2021/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 121/2021/QĐST-KDTM ngày 07/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-KDTM ngày 05/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP B**; Trụ sở: Phố N, Phường S, Quận Y, TP.Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Quang T – Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc H – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Quản lý và thu hồi nợ. Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Phạm Văn N (Giấy ủy quyền số 305/2021/UQ-BVB ngày 10/8/2021). (*Ông N có mặt tại phiên tòa*).

2. Bị đơn: **Bà Đào Bích T và ông Lương Mạnh C**; Cùng trú tại: Phố L, phường Đ, quận H, Hà Nội. (*Bà T, ông C đều vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12/10/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Ngân hàng TMCP B trình bày:

Ngày 13/9/2018 bà Đào Bích T và ông Lương Mạnh C ký kết với Ngân hàng TMCP B Hợp đồng tín dụng 0547/02218/MB01A-HĐTD.TC để vay vốn và được Ngân hàng giải ngân theo Giấy nhận nợ số 01/0547/02218//MB01A-HĐTD.TC ngày 14/09/2018, cụ thể: Số tiền vay là 200.000.000 đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh; Thời hạn vay: 48 tháng từ ngày 14/9/2018 đến ngày 14/9/2022; Lãi suất cho vay: Lãi suất cố định trong 12 tháng đầu là 22%/năm. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà T và ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên Ngân hàng B quyết định thu hồi trước hạn toàn bộ khoản vay, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc tạo điều kiện nhưng bà T và ông C vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Kể từ ngày 14/9/2018 đến ngày 08/12/2020 bà T và ông C đã trả cho Ngân hàng B số tiền: Gốc là 51.136.659 đồng; Lãi trong hạn là 34.935.233 đồng; lãi phạt chậm lãi là 461.555 đồng; lãi phạt chậm vốn là 1.893.360 đồng. Tổng cộng đã trả là: 88.426.807 đồng. Tạm tính đến ngày 08/12/2020 bà T và ông C còn nợ Ngân hàng B: Nợ gốc là 148.863.341 đồng; Lãi trong hạn 36.387.496 đồng; lãi phạt chậm lãi là 2.290.112 đồng; lãi phạt chậm vốn 12.949.702 đồng; Tổng cộng còn nợ: 200.490.651 đồng. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T và ông C phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên, buộc bà T và ông C phải chịu toàn bộ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 09/12/2020 theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp bà T và ông C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành thi hành án theo quy định pháp luật.

Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng bà T và ông C không đến Tòa giải quyết và cũng không có thiện chí hòa giải với Ngân hàng, đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật để bảo đảm quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng.

Ngoài ra Ngân hàng B không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nào khác.

Bì đơn bà Đào Bích T và ông Lương Mạnh C:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Đào Bích T và ông Lương Mạnh C nhưng bà Đào Bích T và ông Lương Mạnh C vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, do vậy không có lời khai của bà Đào Bích T và ông Lương Mạnh C.

Tại phiên tòa:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định tính đến ngày 21/01/2022 bà T và ông C đã trả cho Ngân hàng B số tiền: Gốc là 72.877.046 đồng; Lãi là 39.049.761 đồng; Tổng cộng đã trả là 111.926.807 đồng. Yêu cầu bà T và ông C phải thanh toán trả Ngân hàng B toàn bộ số nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng số 0547/02218/MB01A-HĐTD.TC ngày 13/9/2018, Bản Điều khoản cho vay đính kèm theo Hợp đồng tín dụng số 0547/02218/MB01A-HĐTD.TC ngày 13/9/2018 và Giấy nhận nợ số 01/0547/02218//MB01A-HĐTD.TC ngày 14/09/2018, tạm tính đến ngày

21/01/2022 số tiền nợ gốc là 127.122.954 đồng, lãi trong hạn là 49.756.230 đồng, lãi quá hạn là 51.147.489 đồng, Tổng cộng là 228.026.673 đồng. Yêu cầu bà T và ông C phải chịu toàn bộ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/01/2022 theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp bà T và ông C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành thi hành án theo quy định pháp luật.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, thực hiện đúng quy định về thủ tục lấy lời khai, tiến hành công khai chứng cứ, hòa giải, đảm bảo đúng các thủ tục tố tụng khác. Việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đầy đủ, đúng quy định. Tuy nhiên thời hạn xét xử chưa được đảm bảo theo quy định nhưng có lý do khách quan, Tòa án phải tiến hành các thủ tục xác minh thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện và xét xử theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt lần ba, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt chậm lãi tạm tính đến ngày 21/01/2022. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về lãi phạt chậm vốn. Yêu cầu bà T và ông C phải chịu toàn bộ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/01/2022 theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ. Trường hợp bà T và ông C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành thi hành án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật:

Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh T – PGD C và bà Đào Bích T, ông Lương Mạnh C đã xác lập giao dịch thông qua việc ký kết Hợp đồng tín dụng số 0547/02218/MB01A-HĐTD.TC ngày 13/9/2018 và Giấy nhận nợ số 01/0547/02218//MB01A-HĐTD.TC ngày 14/09/2018, mục đích vay để bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh (theo Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 01D8034212, tên hộ kinh doanh: Tiệm cơm T) nên xác định đây là tranh chấp

kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt là BLTTDS năm 2015).

1.2. Về thẩm quyền giải quyết:

Bị đơn – Bà Đào Bích T và ông Lương Mạnh C cùng cư trú tại: Phố L, phường Đ, quận H, Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

1.3. Về việc vắng mặt bị đơn:

Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Đào Bích T và ông Lương Mạnh C nhưng bà T và ông C vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07/12/2021 và ngày 05/01/2022, Bị đơn – Bà Đào Bích T và ông Lương Mạnh C đều vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông C.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về hiệu lực của Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ:

Ngân hàng TMCP B – Chi nhánh T – PGD C và bà Đào Bích T, ông Lương Mạnh C đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 0547/02218/MB01A-HĐTD.TC ngày 13/9/2018, Bản Điều khoản cho vay đính kèm theo Hợp đồng tín dụng số 0547/02218/MB01A-HĐTD.TC ngày 13/9/2018 và Giấy nhận nợ số 01/0547/02218//MB01A-HĐTD.TC ngày 14/09/2018. Việc ký kết Hợp đồng tín dụng, Bản Điều khoản cho vay và Giấy nhận nợ nêu trên là tự nguyện, hình thức và nội dung phù hợp với quy định pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

2.2. Về yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ gốc:

Theo Hợp đồng tín dụng số 0547/02218/MB01A-HĐTD.TC ngày 13/9/2018, các bên thỏa thuận số tiền vay là 200.000.000 đồng, thời hạn vay: 48 tháng kể từ ngày bên được cấp tín dụng nhận nợ vay (từ ngày 14/9/2018 đến ngày 14/9/2022); Ngày 14/9/2018 Ngân hàng B đã giải ngân cho bà T, ông C số tiền là 200.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 01/0547/02218//MB01A-HĐTD.TC ngày 14/09/2018, các bên thỏa thuận bên vay phải trả nợ gốc cho Ngân hàng vào ngày 26 định kỳ 01 tháng/lần với số tiền 4.166.000 đồng/tháng, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 26/9/2018, kỳ trả nợ gốc cuối cùng vào ngày đến hạn với số tiền 4.198.000 đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, kể từ ngày 14/9/2018 đến ngày 21/01/2022 bà T và ông C đã trả cho Ngân hàng B số tiền nợ gốc là 72.877.046 đồng, còn nợ lại số tiền gốc tạm tính đến ngày 21/01/2022 là 127.122.954 đồng.

Do bà T, ông C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận nên từ ngày 08/12/2020 Ngân hàng B đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn. Việc bà

T, ông C vi phạm nghĩa vụ trả nợ là căn cứ để Ngân hàng B thu hồi nợ trước hạn. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc tạo điều kiện nhưng bà T và ông C vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Giữa hai bên đã có nhiều buổi làm việc và công văn về việc nghĩa vụ trả nợ của bà T, ông C. Tại Biên bản làm việc ngày 10/9/2020 là biên bản làm việc cuối cùng trước khi Ngân hàng B khởi kiện, hai bên đã xác nhận về số tiền nợ còn lại và Ngân hàng đã gia hạn cho bà T, ông C thời hạn là đến trước ngày 30/12/2020 phải thanh toán toàn bộ khoản nợ. Nhưng hết thời hạn đó, bà T, ông C vẫn không thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng B khởi kiện yêu cầu bà T, ông C phải thanh toán trả số tiền nợ gốc tạm tính đến ngày 21/01/2022 là 127.122.954 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Về yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ lãi trong hạn, quá hạn, lãi phạt:

Ngân hàng B yêu cầu bà T và ông C phải thanh toán trả số tiền lãi trong hạn 49.756.230 đồng, lãi quá hạn 51.147.489 đồng tạm tính đến ngày 21/01/2022.

Theo Hợp đồng tín dụng số 0547/02218/MB01A-HĐTD.TC ngày 13/9/2018, các bên thỏa thuận về lãi suất cho vay theo quy định tại Giấy nhận nợ; Tại Giấy nhận nợ số 01/0547/02218//MB01A-HĐTD.TC ngày 14/09/2018, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 22%/năm trong 12 tháng đầu, lãi suất của toàn bộ dư nợ vay phát sinh nêu trên sẽ do VCCB quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần kể từ tháng thứ 13 tính từ ngày giải ngân, với mức lãi suất bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 13 tháng (lĩnh lãi cuối kỳ) của VCCB tại thời điểm điều chỉnh + Biên độ 14%/năm, định kỳ điều chỉnh lãi suất không bắt buộc mà phụ thuộc vào quyết định của VCCB. Tại Bản Điều khoản cho vay đính kèm theo Hợp đồng tín dụng số 0547/02218/MB01A-HĐTD.TC ngày 13/9/2018, các bên thỏa thuận: Khi đến hạn trả nợ mà khách hàng không trả hoặc trả không đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi tiền vay thì phải trả cho VCCB các khoản lãi vay như sau: Lãi trên nợ gốc theo lãi suất cho vay đã được thỏa thuận tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; Trường hợp không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất là 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; Trường hợp khoản nợ vay bị chuyển nợ quá hạn thì phải phải trả lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất là 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Việc bà T, ông C không trả được số nợ còn lại cho Ngân hàng B là vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận giữa các bên và vi phạm quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Tại Hợp đồng tín dụng số 0547/02218/MB01A-HĐTD.TC ngày 13/9/2018, Bản Điều khoản cho vay đính kèm theo Hợp đồng tín dụng số 0547/02218/MB01A-HĐTD.TC ngày 13/9/2018 và Giấy nhận nợ số 01/0547/02218//MB01A-HĐTD.TC ngày 14/09/2018, hai bên đã thỏa thuận về lãi suất cho vay, mức lãi suất các bên thỏa thuận và ký kết phù hợp với quy định pháp luật. Do đó, Ngân hàng B yêu cầu bà T, ông C trả số nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn,

lãi phạt chậm trả tạm tính đến ngày 21/01/2022 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngân hàng yêu cầu bà T, ông C phải thanh toán toàn bộ khoản nợ trên, buộc bà T, ông C phải chịu toàn bộ số tiền lãi phát sinh kể từ ngày 22/01/2022 theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng, Giấy nhận nợ đã ký cho đến khi trả hết nợ là có cơ sở nên được chấp nhận.

Trường hợp bà T và ông C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành thi hành án theo quy định pháp luật.

[3]. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bà T và ông C phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng B được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ngân hàng B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 70, Điều 71, Điều 72; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 274; Điều 278; Điều 280; Điều 342; Điều 401; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91; Điều 95; Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/1997/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân Tối cao – Viện kiểm sát nhân dân Tối cao – Bộ Tư pháp – Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm b khoản 1.4 Mục 1 Phần II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP B đối với bà Đào Bích T và ông Lương Mạnh C.

2. Buộc bà Đào Bích T và ông Lương Mạnh C phải trả cho Ngân hàng TMCP B số tiền nợ tạm tính đến ngày 21/01/2022 theo Hợp đồng tín dụng số 0547/02218/MB01A-HĐTD.TC ngày 13/9/2018, Bản Điều khoản cho vay đính kèm theo Hợp đồng tín dụng số 0547/02218/MB01A-HĐTD.TC ngày 13/9/2018 và Giấy nhận nợ số 01/0547/02218/MB01A-HĐTD.TC ngày 14/09/2018, cụ thể:

- Nợ gốc: 127.122.954 (Một trăm hai mươi bảy triệu, một trăm hai mươi hai nghìn, chín trăm năm bốn đồng);

- Lãi trong hạn: 49.756.230 đồng (*Bốn mươi chín triệu, bảy trăm năm mươi sáu nghìn, hai trăm ba mươi đồng*);
- Lãi quá hạn: 51.147.489 đồng (*Năm mươi một triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, bốn trăm tám chín đồng*);
- Tổng cộng là: 228.026.673 đồng (*Hai trăm hai mươi tám triệu, không trăm hai mươi sáu nghìn, sáu trăm bảy ba đồng*).

Kể từ ngày 22/01/2022, bà Đào Bích T và ông Lương Mạnh C còn phải tiếp tục chịu số tiền nợ lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, Bản Điều khoản cho vay đính kèm theo Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ nêu trên đã ký kết giữa các bên cho đến khi bà Đào Bích T và ông Lương Mạnh C thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP B.

Trường hợp bà Đào Bích T và ông Lương Mạnh C không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành thi hành án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận về việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Bà Đào Bích T và ông Lương Mạnh C phải chịu số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 11.401.333 (*Mười một triệu, bốn trăm linh một nghìn, ba trăm ba ba*) đồng.

Ngân hàng TMCP B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 5.032.000 (*Năm triệu, không trăm ba mươi hai nghìn*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0003918 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt đại diện Ngân hàng TMCP B, vắng mặt bà Đào Bích T và ông Lương Mạnh C.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Q.Hai Bà Trưng;
- TAND TP.Hà Nội;
- VKSND TP.Hà Nội;
- Chi cục THADS Q.Hai Bà Trưng;
- Lưu HS, VP.

Hoàng Lan Chi